

DIỄN GIẢI VÀ TRÌNH BÀY VỀ THỂ LOẠI TỰ SỰ VÀ KÍ TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 6 (TẬP 1 – BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Vũ Thị Loan

Tập đoàn giáo dục Edufit

Nguyễn Thu Quỳnh

Trường Trung học Vinschool Times City

Tóm tắt: Sách giáo khoa Ngữ văn biên soạn theo Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 coi trọng rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản văn học. Trong đó, các nhà biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn đặc biệt chú ý tới vấn đề cung cấp tri thức về thể loại và kiểu văn bản. Bài viết này thử phân tích việc diễn giải liên quan đến thể loại tự sự ở sách giáo khoa Ngữ văn 6, Tập 1, bộ Chân trời sáng tạo. Chúng tôi mong muốn những phân tích này góp phần giúp giáo viên và học sinh hiểu sâu hơn chương trình môn học cũng như sách giáo khoa Ngữ Văn hiện hành.

Từ khóa: Bộ SGK Chân trời sáng tạo, diễn giải, Ngữ văn 6, tự sự và kí.

Nhận bài ngày 15.03.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 30.6.2024

Liên hệ tác giả: Vũ Thị Loan, Email: vtloan@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sách giáo khoa Ngữ văn biên soạn theo Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 [1] coi trọng rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản văn học. Các nhà biên soạn (NBS) sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn đặc biệt chú ý tới vấn đề cung cấp tri thức về thể loại và kiểu văn bản. Bài viết này thử phân tích cách trình bày và diễn giải liên quan đến các thể loại tự sự và ký ở sách giáo khoa *Ngữ văn 6* (Tập 1, bộ *Chân trời sáng tạo*). Phân tích trong bài viết cho thấy việc diễn giải và trình bày về các tác phẩm tự sự trong tập sách qua các bài học vẫn thiếu đi một tầm nhìn hệ thống hóa. Hy vọng những phân tích này sẽ góp phần giúp giáo viên và học sinh hiểu sâu hơn chương trình môn học cũng như sách giáo khoa Ngữ Văn hiện hành.

2. NỘI DUNG

2.1. Về việc giới thiệu các *Bài học* (có dẫn văn bản các tác phẩm tự sự và ký) ở *Lời nói đầu* của cuốn sách

Trước tiên xin đọc kĩ đoạn sau trong *Lời nói đầu* của cuốn sách giáo khoa *Ngữ văn 6* tập 1, bộ *Chân trời sáng tạo* [2, tr.3]:

LỜI NÓI ĐẦU

Sách *Ngữ văn 6* gồm mười bài học chính tương ứng với mười chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các em. Ở tập một, các em sẽ được học về lịch sử

của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*); khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích, từ đó, rút ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người (bài *Miền cổ tích*); yêu quý, tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Nam (bài *Vẻ đẹp quê hương quê hương*) trải nghiệm thế giới xung quanh để nhận ra những mặt tốt đẹp cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân (bài *Những trải nghiệm trong đời*); quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên (bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*).

Việc đặt định các đơn vị gọi là Bài học với một nhan đề tên gọi bài học như dẫn trên cũng là cách làm đã thành thông lệ của sách giáo khoa các môn học. Theo như giới thiệu của người biên soạn SGK *Ngữ văn 6* bộ Chân trời sáng tạo dẫn trên, ở đây ta có thể hiểu tên của các bài học¹ trong cuốn sách chính cũng là cái mà NBS gọi là “chủ điểm”. Ở đây chúng ta tạm không bàn việc tại sao phải là chính các *chủ điểm* đó và rút cuộc một chương trình môn học Ngữ văn giáo dục phổ thông thì tại sao lại cần đúng một tổng số từng đó “chủ điểm” qua các năm học. Gác lại vấn đề đó, ở đây ta chỉ nói về bản thân cách nêu “chủ đề” hay nói đúng hơn là cách thuyết minh nội dung các bài học. Quả vậy, một giáo viên hoàn toàn có thể hỏi “Vì sao mà ta lại “*học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian*”?”. Phải chăng là để so sánh hoặc bổ sung cho SGK *Lịch sử*? Hay vì (các) bài học trong SGK *Lịch sử* khô khan nên môn Ngữ văn nhận lấy nhiệm vụ giáo dục sử học bằng cách đọc truyện truyền thuyết – một cách học kiểu của môn Văn – “*Lắng nghe lịch sử nước-mình*”? Khái quát nội dung chủ đề các bài học tiếp theo đọc kĩ thấy cũng cần được suy nghĩ thêm. Bài *Miền cổ tích*: “khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích”. Trong ngữ cảnh thông thường kiểu nói quen thuộc “*thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích*” kể cũng không thành vấn đề. Nhưng ở đây – cuốn SGK *Ngữ văn 6* này (tạm giới hạn ở tập 1) với thực tế các bài học giới thiệu dân các thể loại tự sự truyền thuyết (*Bài 1*), truyện cổ tích (*Bài 2*), truyện đồng thoại (*Bài 4*), ký – hồi ký (*Bài 5*) này thì ta có thể nói cái thế giới mà NBS nói là “*khác lạ trong các truyện cổ tích*” này suy cho cùng cũng đâu có “khác lạ” hơn thế giới trong (truyện) truyền thuyết, trong (truyện) đồng thoại? Huống hồ, cứ như những truyện cổ tích mà NBS dẫn học ở đây (*Bài 2: Sọ Dừa, Em bé thông minh*) thì học sinh (HS) hẳn không thấy là “khác lạ” cho lắm. Xin nói lại ở đây chỉ tạm bàn luận dựa trên chính các tác phẩm cụ thể mà NBS giới dẫn, không đi sâu vào ý kiến chẳng hạn cho rằng mức độ khác lạ của thế giới được mô tả phải giảm dần đi từ thần thoại qua truyền thuyết đến cổ tích và rằng dù “kì lạ” đến mấy thì thế giới trong truyện cổ tích vẫn ít nhiều thân thuộc hơn so với thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn và truyện viễn tưởng. Thật vậy, cách viết “khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích” cũng giống như cách viết đối với *Bài 5* - bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*: “quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên” – nghe cũng hay mà thực ra không phải là một cố gắng khái quát cho đúng với nội dung bài học. Thật vậy, như ta thấy *Bài 5 Trò chuyện cùng thiên nhiên* này gồm 3 trích đoạn từ các cuốn hồi kí (*Lao xao ngày hè* trích *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán, *Thương nhớ bầy ong* trích *Hồi kí Song đôi* của Huy Cận, *Một năm ở Tiểu học* trích *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê*) và bài thơ *Đánh thức trâu* của Trần Đăng Khoa [xem Mục lục

¹ Nguyên văn: “Trên tay các em là cuốn sách giáo khoa **Ngữ văn 6**, bộ Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. [...] Sách **Ngữ văn 6** gồm mười bài học chính tương ứng với mười chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các em.”. Ở đây NBS có lẽ không nên dùng từ “chính” vì thực tế sách không có cái gọi là “bài học phụ”.

SGK]. Thực tế mà nói, đọc qua các văn bản đó khó lòng mà nói được là có thể “quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên” như thế nào).

Như nói trên Bài 5 này của *Ngữ văn 6 Tập 1* bộ Chân trời sáng tạo dẫn 3 đoạn trích từ ba cuốn được gọi là hồi kí. “Hồi kí” – từ này được nhắc đến ngay ở ngay đầu bài (và đó cũng sẽ lần đầu tiên nó được nhắc đến ở cuốn sách *Ngữ văn 6* này):

BÀI 5 TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN

Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.

Muốn biết “hồi kí” là gì GV và HS đọc tiếp diễn giải trong phần TRI THỨC NGŨ VĂN tiếp theo [2, tr.111]:

TRI THỨC NGŨ VĂN

Tri thức đọc hiểu

Kí là thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết. Trong kí, có những tác phẩm thiên về kể sự việc (tự sự), có những tác phẩm thiên về biểu cảm (trữ tình). Trong kí tự sự có hồi kí và du kí.

Hồi kí chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết đã từng tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả. *Du kí* chủ yếu kể về những sự việc mới diễn ra hoặc đang diễn ra gắn với các chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất nước kì thú của Việt Nam và thế giới. Nhân vật xưng “tôi” trong hồi kí và du kí là hình ảnh của tác giả.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí (thường xưng “tôi”, “chúng tôi”) là hình ảnh của tác giả, nhưng không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. Bởi vì giữa tác giả và người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí luôn có những khoảng cách về tuổi tác, thời gian, hay những khác biệt trong nhận thức, quan niệm,...

Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí: “ghi chép” hiểu theo cách thông thường, là việc chuẩn bị nguồn tư liệu về những điều có thật, đã xảy ra để viết nên tác phẩm. Tư liệu được “ghi chép” để viết hồi kí, khác với tư liệu để viết truyện, phải hoàn toàn xác thực, tin cậy. Nhưng “ghi chép”, hiểu cách khác, cũng chính là viết, kể, sáng tác. Theo nghĩa này, người viết hồi kí không thể bê nguyên cái có thật, từng xảy ra ngoài đời vào văn bản mà phải ghi sao cho thành chuyện và kể sao cho hấp dẫn, sâu sắc.

Toàn bộ diễn giải trên đây hẳn là muốn đưa đến một nhận thức như sau cho GV và HS: Kí là một thể loại văn học, thể loại văn học này gồm những “tiểu thể” như hồi kí, du kí, tùy bút, tản văn. Vậy nếu các tác phẩm văn xuôi cụ thể nhất định nào đó không phải là tiểu thuyết, truyện ngắn, văn nghị luận,... đã được gọi là hồi kí, du kí, tùy bút, tản văn rồi thì cũng gọi đó là tác phẩm kí có được không. Vì sao lại phải sinh ra thuật ngữ-tên gọi kí như là thêm một định danh xác định một thể loại văn học để làm gì? Và một khi đã có khái niệm “thể loại (văn học) kí” thì còn cũng có thể gọi được là “thể loại hồi kí”, “thể loại du kí” “thể loại tùy bút” được hay không? Chúng tôi mong muốn những bản khoản đó của GV và HS cũng được NBS SGK – tác giả của phần diễn giải TRI THỨC NGŨ VĂN (những *tri thức*

quan trọng giúp *đọc hiểu* các tác phẩm mà SGK dẫn vào bài học) chiếu cố tới. Đọc những phân diễn giải TRI THỨC NGŨ VĂN như dẫn trên GV và HS một mặt đã phải rất vất vả để có thể tự mình hệ thống hóa tri thức mặt khác lại còn phải hiểu cho thấu những cách viết kiểu “Trong kí, có những tác phẩm thiên về kể sự việc (tự sự), có những tác phẩm thiên về biểu cảm (trữ tình). Trong kí tự sự có hồi kí và du kí.”.

Đĩ nhiên trong khuôn khổ một bài học không học hết được tất cả các “thể loại” kí nên như ta thấy Bài 5 SGK *Ngữ văn 6 tập 1* bộ Chân trời sáng tạo này về mặt “lý thuyết” (tức ở phần TRI THỨC NGŨ VĂN) NBS soạn chỉ giới thiệu mỗi *hồi kí*. Và rồi trong mặc định rằng đã giới thiệu lí luận thể loại cụ thể như thế thì các trích đoạn từ các tác phẩm dẫn trong bài học một cách tự nhiên sẽ là “thuộc về” thể loại được định nghĩa đó. Cũng may các đoạn trích *Thương nhớ bầy ong* và *Một năm ở Tiểu học* ở Bài 5 này là trích từ các tác phẩm mà nhan đề của nó gọi thẳng là “hồi kí” (*Hồi kí Song đôi* của Huy Cận, *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê*). Gặp cuốn nhan đề không không ghi rõ hai chữ “hồi kí” như cuốn *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khánh nhưng NBS vẫn muốn trích đoạn (chắc vì đoạn trích đó tiện cho chủ điểm tự gọi là “Trò chuyện cùng thiên nhiên”) thì không hiểu vô tình hay cố ý – không ở đâu ta thấy NBS gọi tên thể loại của nó. Thay vào đó ta thấy các cách viết: “*Tuổi thơ im lặng* là chuỗi hồi ức của Duy Khánh về quê hương, gia đình, người thân,... gắn với một quãng đời niên thiếu, từ khi ông còn là một cậu bé “biết bắt đầu nhận thức” cho đến lúc...” (xem khung giới thiệu khái quát tác phẩm đặt dưới nhan đề trích đoạn) [2, tr.112], “*Tuổi thơ im lặng* là cuốn sách được viết như một món quà ông dành tặng quê hương và những người thân yêu” (khung giới thiệu khái quát về tác giả Duy Khánh đặt sau hệ thống câu hỏi gợi ý đọc hiểu trích đoạn) [2, tr.116].

2.2. Trình bày và diễn giải liên quan thể loại tác phẩm trong phần *Yêu cầu cần đạt* ở các bài học

Dưới đây là trích dẫn cục bộ trình bày và diễn giải liên quan tác phẩm tự sự ở phần *Yêu cầu cần đạt* của Bài 1 SGK *Ngữ văn 6 tập 1*, bộ Chân trời sáng tạo [2, tr.17]:

Bài 1 LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết.
- Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và tình cảm của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

NBS nói “một số yếu tố của truyền thuyết”. Cách nói khá khó hiểu (hoặc cũng có thể cho đó là cách nói “đột ngột”) vì GV và HS hẳn không biết SGK muốn họ phải nhìn nhận hay tiếp cận với cái gọi là “truyền thuyết” như là tiếp cận với một “sự vật/sản phẩm” như thế nào. Không sơ bộ hình dung được cái “chỉnh thể” đó thì làm sao có thể nhận diện được “yếu tố” gì đây của nó? Nhưng vấn đề còn ở chỗ: sau khi nêu vấn đề “nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết” thì SGK trong diễn giải tiếp theo (cụ thể là ở phần TRI THỨC NGŨ VĂN) đã không giới thiệu sao cho GV và HS có thể biết mà quả quyết được đâu chính là đang nói tới các “yếu tố” “của truyền thuyết”. Đọc phần TRI THỨC NGŨ VĂN [2, tr.17] GV và HS phải chẳng sẽ đoán định SGK ở phần này chính là đang muốn họ hiểu *nhân vật, cốt truyện, yếu tố kỳ ảo* là các “yếu tố của truyền thuyết”? Nếu vậy thì cũng không hợp lý vì – (cứ tạm dùng thuật ngữ “yếu tố”) *nhân vật, cốt truyện* này đâu chỉ “của” mỗi “truyền thuyết”, *yếu tố kỳ ảo* cũng vậy. Tiếp theo với yêu cầu cần đạt thứ 2 GV và HS cũng đành

tạm đoán định NBS dường như vẫn đang tiếp tục nói về thể loại (truyện dân gian) truyền thuyết nhưng đó cũng là để nói cho cả các tác phẩm tự sự nói chung:

+ Tiếp tục nói về thể loại (truyện dân gian) truyền thuyết – vì dù sao đối mỗi một truyền thuyết dù sao vẫn phải nói lại việc “*Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm*”.

+ Nhưng cũng là để nói cho cả các tác phẩm tự sự nói chung – vì NBS yêu cầu “*Nhận biết được tình cảm của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản*” (hẳn là NBS cũng như GV và HS phải thừa nhận trước hết tác phẩm văn chương dân gian là truyền khẩu).

Cách nói “*Nhận biết được một số yếu tố của...*” một thể loại truyện kể dân gian được tiếp tục dùng lại ở bài học tiếp theo – Bài 2 *Miền cổ tích* [2, tr.37]:

Bài 2 MIỀN CỔ TÍCH

Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận biết được chủ đề của văn bản.

Cũng giống như ở Bài 1 *Lắng nghe lịch sử nước mình* dẫn trên, ở đây GV và HS có lẽ cũng chỉ dành đọc phần *TRI THỨC NGỮ VĂN* để tạm đoán định lấy rằng SGK đang muốn họ hiểu *Cốt truyện, Đề tài, Chủ đề*, và thêm *Người kể chuyện cùng Lời người kể chuyện và Lời nhân vật* đây cũng là đang nói về “một số yếu tố của truyện cổ tích”?

Trong liên hệ trở lại với Bài 1 *Lắng nghe lịch sử nước mình* học về truyền thuyết, GV và HS có thể hỏi: Tại sao đều cùng là hai thể loại truyện dân gian mà khi giới thiệu về thể loại truyền thuyết thì SGK nói tới các “yếu tố” như *Nhân vật truyền thuyết, Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết* mà đến thể loại truyện cổ tích thì SGK lại không tiếp tục xét các yếu tố này nữa? Cũng như, ngược lại tại sao ở truyện cổ tích thấy nói đến *Đề tài, Chủ đề, Người kể chuyện, Lời người kể chuyện, Lời nhân vật* trong lúc ở truyền thuyết thì không? Trình bày trong Bài 2 *Miền cổ tích* về *Cốt truyện cổ tích* ở phần *TRI THỨC NGỮ VĂN* cũng không thực sự xác đáng:

Cốt truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, mở đầu bằng “Ngày xưa ngày xưa...” và kết thúc có hậu.

Trong tiếng Việt *truyền thuyết* trong tính cách là một thể loại tự sự có thể được dùng độc lập, tức không cần thêm từ *truyện*. Chẳng hạn ta có thể nói “Truyện thuyết Thánh Gióng” chứ không hay nói “truyện truyền thuyết”. Trong lúc các thể loại tự sự dân gian khác thường vẫn phải kèm thêm từ “truyện”: truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện tiểu lâm (hai cách nói của chính SGK - “*một số yếu tố của truyền thuyết*” “*một số yếu tố của truyện cổ tích*” ở đây đủ cho thấy điều này). Nếu để ý tới điều tinh tế này thì ta sẽ thấy nên nói *Cốt truyện truyện cổ tích* thay vì nói *Cốt truyện cổ tích*. Nhưng điều quan trọng hơn ở đây là chính là bản thân cách diễn giải dẫn trên. Thật khó mà có thể nói “*Cốt truyện cổ tích... mở đầu bằng “Ngày xưa ngày xưa...” và kết thúc có hậu.*”.

Đến Bài 4 *Những trải nghiệm trong đời* giới thiệu các tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi, yêu cầu “*Nhận biết được một số yếu tố của*” thể loại truyện kể này vẫn tiếp tục được nêu lên trước hết [2, tr.81]:

Bài 4 NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI*Yêu cầu cần đạt*

Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ở ngôi thứ nhất và người kể chuyện ở ngôi thứ ba.

Vậy nhưng đến lần này NBS còn chẳng buồn trình bày gì về cái gọi là “một số yếu tố của truyện đồng thoại” trong suốt bài học.

Bài học sau cùng của *Ngữ văn 6* tập 1 – Bộ Chân trời sáng tạo là Bài 5 *Trò chuyện cùng thiên nhiên* dành để giới thiệu thể loại ký. Đến bài này NBS ở mục *Yêu cầu cần đạt* thôi không còn nêu yêu cầu “*Nhận biết được một số yếu tố của*” (thể loại) nữa. Trình bày cụ thể *Yêu cầu cần đạt* của Bài 5 này như sau [2, tr.110]:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

Phải chăng “*hình thức ghi chép*”, “*cách kể sự việc*”, “*người kể chuyện ngôi thứ nhất*” ở đây sẽ được hiểu chính là để chỉ đến “*một số yếu tố của thể loại hồi kí*”? Thế nhưng xem ra đó (cụ thể là *cách kể sự việc* và *người kể chuyện*) cũng chính là những yếu tố của các thể loại truyện mà SGK này đã trình bày ở các bài trước. Dĩ nhiên đến phần *Tri thức đọc hiểu* [2, tr.37] NBS đã cố gắng trình bày sao đó quả đúng là yếu tố của thể loại hồi kí. Vậy mà đọc kĩ ta thấy diễn giải như thế thì hồi kí cũng chả khác gì với truyện hay tiểu thuyết nói chung. Dưới đây xin dẫn ra nguyên văn phần diễn giải đó của SGK:

Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí (thường xưng “tôi”, “chúng tôi”) là hình ảnh của tác giả, nhưng không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. Bởi vì giữa tác giả và người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí luôn có những khoảng cách về tuổi tác, thời gian, hay những khác biệt trong nhận thức, quan niệm,...

Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí: “ghi chép” hiểu theo cách thông thường, là việc chuẩn bị nguồn tư liệu về những điều có thật, đã xảy ra để viết nên tác phẩm. Tư liệu được “ghi chép” để viết hồi kí, khác với tư liệu để viết truyện, phải hoàn toàn xác thực, tin cậy. Nhưng “ghi chép”, hiểu cách khác, cũng chính là viết, kể, sáng tác. Theo nghĩa này, người viết hồi kí không thể bê nguyên cái có thật, từng xảy ra ngoài đời vào văn bản mà phải *ghi* sao cho thành chuyện và *kể* sao cho hấp dẫn, sâu sắc.

Như đã dẫn trên – yêu cầu cần đạt thứ 2 ở Bài 5 *Trò chuyện cùng thiên nhiên* này là: “*Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản*”. Đọc kĩ yêu cầu này ta thấy: thực ra yêu cầu “*Nhận biết được chủ đề của văn bản*” đã được nêu ở Bài 2 *Miền cổ tích*, còn “*Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.*” thì đã nêu ở Bài 1 *Lắng nghe lịch sử nước mình*. GV và HS hẳn cũng không hiểu tại sao đến đây – Bài 5 này lại phải nhắc lại yêu cầu cần đạt này nữa. Và chẳng nghĩ cho cùng cái yêu cầu “*Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.*” này hẳn phải là yêu cầu cần đạt của toàn bộ hoạt động đọc hiểu mọi thể loại-kiểu loại văn bản. Thậm chí có thể nói đó là chính yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn nói chung.

2.3. Một chút phân vân về “thể loại” của vài truyện dân gian dẫn ở Bài 1 SGK này

Đi vào cụ thể bài học, ta thấy sau khi quyết định đặt tên bài học là *Lắng nghe lịch sử nước mình* nhằm để HS “*được học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian*”, NBS đã dẫn *SỰ TÍCH HỒ GIÒM* (phần ĐỌC, VĂN BẢN 2) và *BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY* (phần ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI). Văn bản *BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY* theo như ghi chú của NBS *Ngữ văn 6, tập 1* – bộ Chân trời sáng tạo là “Theo *Ngữ văn 6, tập 1*, Nguyễn Khắc Phi (TCB) Sđđ”². Trong lúc *Ngữ văn 6, tập 1* bộ Nguyễn Khắc Phi tổng chủ biên dẫn truyện này thì chưa nguồn văn bản “Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập I* – Văn học dân gian, NXB Văn học, Hà Nội, 1977” (nhân tiện phải nói rõ rằng người đã đọc *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi đều nhớ nhan đề truyện này là *Gốc tích bánh chưng và bánh dày* [4, tr.222]). Đến lượt *SỰ TÍCH HỒ GIÒM*, SGK *Ngữ văn 6, tập 1* – bộ Chân trời sáng tạo không dẫn từ *Ngữ văn 6, tập 1* - Nguyễn Khắc Phi TCB mà ghi rõ dẫn từ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, quyển một, tập 1*, Nguyễn Đồng Chi, NXB Trẻ, 2015 (*Ngữ văn 6, tập 1* bộ Nguyễn Khắc Phi tổng chủ biên dẫn truyện này chỉ ghi đơn giản – “Theo Nguyễn Đồng Chi” [3, tr.41]). Chúng tôi không bàn câu chuyện “xác định thể loại truyện dân gian – truyền thuyết hay cổ tích” nhưng nghĩ ngay đến tình huống GV và HS sẽ băn khoăn khi đọc thấy ghi chú nguồn dẫn một *truyền thuyết* lại từ bộ sách đã xuất bản là *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Sự phổ biến của bộ sách này đối lứa tuổi học sinh hẳn sẽ khiến cho băn khoăn trên trở thành câu hỏi cần được giáo viên (cả NBS SGK nữa) trả lời rõ ràng.

3. KẾT LUẬN

SGK *Ngữ văn* biên soạn theo Chương trình giáo dục môn *Ngữ văn 2018* nhấn mạnh việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản. Để làm được điều đó NBS SGK *Ngữ văn* đã hết sức quan tâm cung cấp tri thức về thể loại và kiểu văn bản. Phân tích trong bài viết cho thấy việc diễn giải và trình bày về các tác phẩm tự sự trong tập sách *Ngữ văn 6 Tập 1* – bộ Chân trời sáng tạo qua các bài học vẫn thiếu đi một tầm nhìn hệ thống hóa, thể hiện ra ở việc giới thiệu các thuật ngữ - khái niệm. Theo ý chúng tôi, việc trình bày và diễn giải các thuật ngữ - khái niệm nói chung phải phản ánh một tầm nhìn toàn cục, hỗ trợ đắc lực nhận thức hệ thống hóa cho GV và HS. Vì chỉ khi đó, GV và HS mới có được một nhận thức hệ thống hóa thì việc dạy và học mới trở nên dễ dàng và thuận lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông Môn Ngữ văn*, <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/KNfGVJAhcwuS2Uk#pdfviewer>.
2. Nguyễn Hồng Nam (chủ biên) (2020), *Ngữ văn 6* (Tập 1, bộ *Chân trời sáng tạo*), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên) (2016), *Ngữ văn 6, tập 1*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

² “Sđđ” ở đây chính là sách dẫn khi *Ngữ văn 6, tập 1* - Chân trời sáng tạo chưa nguồn văn bản “*THÁNH GIÓNG*: “Theo *Ngữ văn 6, tập 1*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018”. Nếu ta mở cuốn *Ngữ văn 6, tập 1*, (Nguyễn Khắc Phi (TCB), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018) ta sẽ thấy sách này chưa nguồn văn bản *THÁNH GIÓNG* rất đơn giản: Theo Lê Trí Viễn. [3, tr.34] Cả *Ngữ văn 6, tập 1*, (Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên), Nxb Giáo dục Việt Nam, 2018) và *Ngữ văn 6, tập 1* (Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020) đều ghi rõ “thể loại truyện kể dân gian” *Thánh Gióng* là truyền thuyết.

4. Nguyễn Đồng Chi (2015), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, quyển một, tập 1*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

**INTERPRETATION ON THE GENRE OF NARRATIVE
AND NON-FICTION IN LANGUAGE 6 TEXTBOOKS
(VOLUME 1 – THE TEXTBOOK OF CREATIVE HORIZONS)**

Summary: Literature textbooks compiled according to The 2018 Literature Education Program attach importance to training skills in reading and understanding literary texts. In particular, the editors of Literature textbooks pay special attention to the issue of providing knowledge about prose genres and text type. This article attempts to analyze the presentation and interpretation related to narrative and non-fiction genres in the textbook Literature 6 (Volume 1, Creative Horizons series). We hope these analyzes contribute to helping teachers and students better understand the subject curriculum as well as current Literature textbooks.

Keywords: Textbook of Creative Horizon, interpretation, textbook of Literature 6, narrative and non-fiction genres.